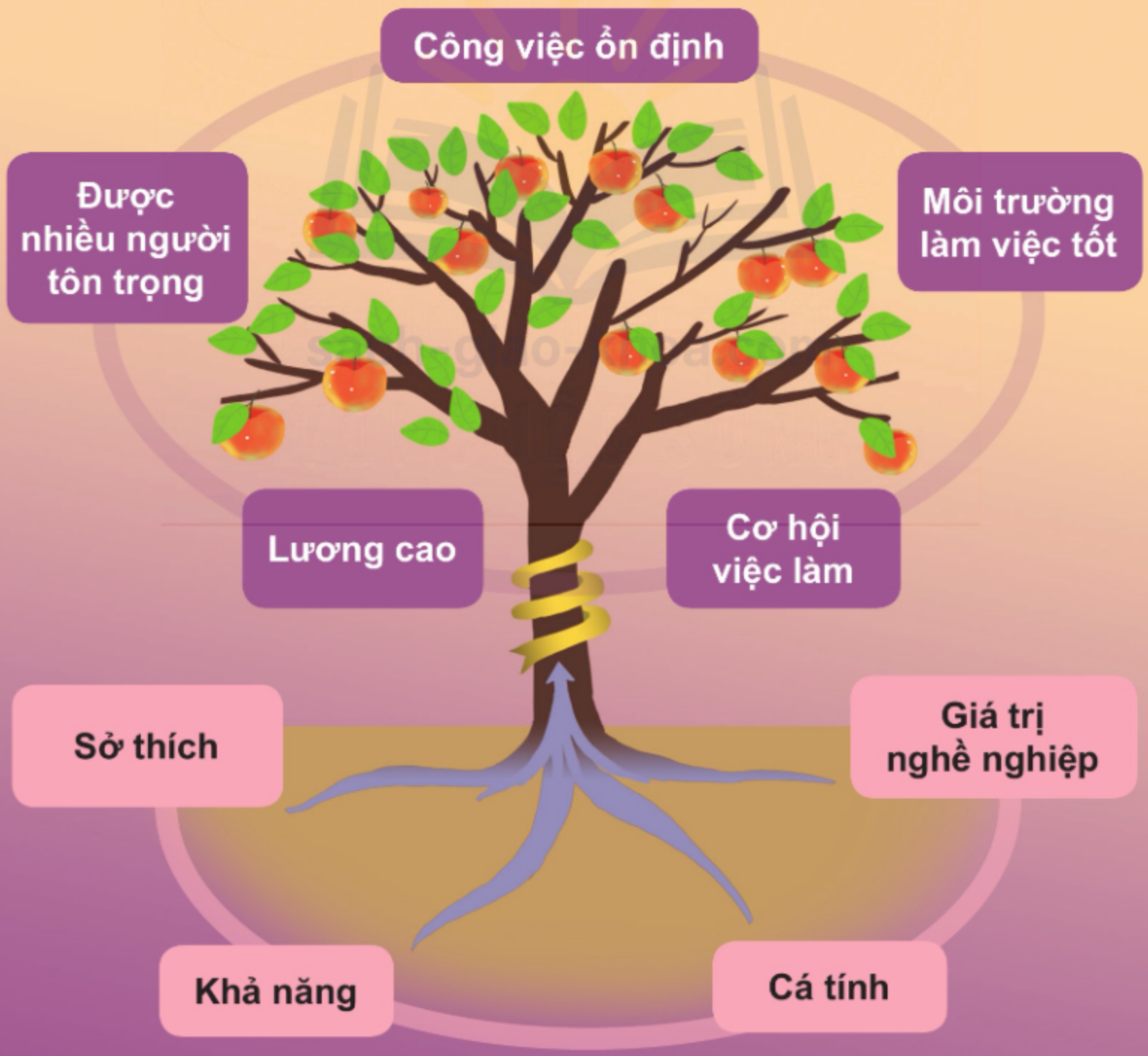
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CÔNG NGHỆ 9

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ HUY HOÀNG (Tổng Chủ biên)
PHẠM MẠNH HÀ (Chủ biên)
NGUYỄN XUÂN AN – NGUYỄN THỊ BÍCH THUỶ – VŨ CẨM TÚ

CÔNG NGHỆ 9

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

(Tái bản lần thứ hai)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
sách-giáo-khoa.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Sách giáo khoa *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* được cấu trúc thành năm bài học. Các hoạt động trong mỗi bài học cùng với các nội dung bổ trợ được thể hiện dưới dạng các hộp chức năng với kí hiệu và ý nghĩa như minh hoạ dưới đây:

Mục tiêu bài học

Hoạt động khởi động tạo tâm thế trước khi vào học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động học tập dựa trên học liệu trong sách, kết nối với thực tiễn ở cấp độ liên hệ nhằm kiến tạo tri thức.

LUYỆN TẬP

Trả lời các câu hỏi, thực hiện các bài tập liên quan tới kiến thức mới của bài học nhằm phát triển kĩ năng nhận thức, khắc sâu kiến thức bài học.

VẬN DỤNG

Hoạt động thực hiện nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn góp phần hình thành và phát triển năng lực đặc thù, kết nối bài học với thực tiễn ở cấp độ hành động.

KẾT NỐI NĂNG LỰC

Thông tin về năng lực, nhiệm vụ học tập kết nối năng lực góp phần hình thành và phát triển năng lực chung cốt lõi, năng lực đặc thù môn học.

KẾT NỐI NGHỀ NGHIỆP

Giới thiệu về nghề nghiệp có liên quan tới nội dung học tập có vai trò định hướng lựa chọn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Thông tin bổ ích, thú vị và hấp dẫn liên quan tới nội dung học tập nhằm bổ sung, mở rộng so với yêu cầu của bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Sách giáo khoa *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* gồm năm bài học được biên soạn tương ứng với các nội dung bắt buộc của môn Công nghệ 9 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Những nội dung trong sách giáo khoa *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* sẽ giúp các em lựa chọn đúng một nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Trong cuốn sách này, các em sẽ lần lượt tìm hiểu về nghề, đặc điểm của nghề nghiệp, vai trò, ý nghĩa của việc chọn nghề đối với bản thân và xã hội. Trước khi tốt nghiệp trung học cơ sở, việc hiểu biết về các hướng đi mà em sẽ lựa chọn trong hệ thống giáo dục quốc dân sẽ giúp các em thêm tự tin. Việc hiểu biết về thị trường lao động, đặc biệt hiểu sâu về xu hướng tuyển dụng, cơ hội việc làm, thu nhập của các nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sẽ là thông tin quan trọng để các em suy nghĩ, định hướng.

Cuốn sách sẽ giúp các em được hướng dẫn từng bước chọn nghề một cách khoa học. Từ một dự án cá nhân, các em sẽ có nhiều thông tin để ra quyết định chọn nghề thật chính xác.

Nội dung sách giáo khoa *Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp* được biên soạn với các hoạt động khám phá, luyện tập, kết nối và vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống và học tập của các em; giúp các thầy cô giáo dễ dàng tổ chức các hoạt động, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực; kiểm tra; đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Hãy cùng nhau khám phá thế giới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ để có sự lựa chọn tốt nhất con đường đi của mình sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

Chúc các em thành công!

Các tác giả

Mục lục

	Trang
Hướng dẫn sử dụng sách	*2*
Lời nói đầu	*3*
Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ	*5*
Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	*10*
Bài 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam	*17*
Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp	*24*
Bài 5. Dự án: Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	*31*
Giải thích một số thuật ngữ dùng trong sách	*35*

Bài 1

NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ



Hình 1.1. Hình ảnh minh hoạ một số nghề nghiệp trong xã hội

Sau bài học này, em sẽ:

- *Trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.*
- *Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.*

? Quan sát Hình 1.1 và cho biết: Mỗi người trong hình làm nghề gì? Em hãy mô tả công việc của những nghề đó.

I. Khái quát về nghề nghiệp

KHÁM PHÁ

Dựa vào các thẻ dưới đây, em hãy mô tả nghề nghiệp của một người thân trong gia đình.

Tên nghề	Nhiệm vụ đang làm	Môi trường làm việc
Quá trình đào tạo	Thu nhập	

1. Khái niệm nghề nghiệp

Nghề nghiệp là tập hợp các công việc được xã hội công nhận. Trong đó, nhờ được đào tạo mà con người có năng lực, tri thức, kĩ năng để tạo ra các sản phẩm vật chất hay tinh thần đáp ứng nhu cầu của xã hội, qua đó mang lại thu nhập ổn định và tạo nên giá trị cho bản thân.

Nghề nghiệp thường được hiểu là một việc làm có tính chất ổn định, gắn bó lâu dài với mỗi người, mang lại thu nhập và những cơ hội để họ phát triển các giá trị bản thân, đóng góp chung cho cộng đồng và xã hội.

sách-giáo-khoa.com

2. Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội

– Đối với con người: nghề nghiệp không chỉ mang lại cho chúng ta nguồn thu nhập ổn định, bền vững để chăm lo cho bản thân, gia đình mà còn tạo ra môi trường để chúng ta phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường, giúp chúng ta thoả mãn đam mê, khát khao và tạo nên niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống.

– Đối với xã hội: nghề nghiệp góp phần tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội. Nghề nghiệp góp phần giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.

3. Ý nghĩa của việc chọn đúng nghề nghiệp của mỗi người

Ý nghĩa đối với cá nhân:

– Lựa chọn một nghề phù hợp sẽ giúp bản thân có động lực trong học tập, nghiên cứu, sáng tạo để hoàn thiện các phẩm chất, kĩ năng, đáp ứng được các yêu cầu của nghề nghiệp sau này.

– Chọn nghề phù hợp với năng lực, sở thích, cá tính là nền tảng để có được sự thành công trong công việc cũng như sự hài lòng, hạnh phúc với công việc mình đã chọn.

– Chọn nghề đúng sở trường, phù hợp với năng lực và sở thích sẽ giúp chúng ta nhanh chóng thích ứng và phát triển nghề nghiệp; giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn lao động qua đó tạo ra nguồn thu nhập không chỉ đảm bảo nuôi sống bản thân, gia đình mà còn đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

Ý nghĩa đối với gia đình:

– Chọn đúng nghề sẽ giúp cá nhân nhanh chóng có được cơ hội việc làm, tạo ra thu nhập đảm bảo cho không chỉ cá nhân mà còn gánh vác một phần chi phí cho gia đình.

– Có nghề nghiệp ổn định là cơ hội để mỗi cá nhân xây dựng được kế hoạch gia đình tương lai một cách chắc chắn.

Ý nghĩa đối với xã hội:

– Việc mỗi cá nhân tìm được việc làm phù hợp sẽ giúp họ phát triển nghề nghiệp, tạo ra chỗ đứng vững chắc trong nghề, tạo ra thu nhập ổn định, tránh xa được các tệ nạn xã hội.

– Chọn đúng nghề, học đúng ngành và làm đúng chuyên môn sẽ giảm thiểu tình trạng thất nghiệp, làm trái ngành, trái nghề gây ra những lãng phí cho xã hội.

– Học sinh chọn đúng nghề theo sự định hướng, phân luồng trong giáo dục góp phần đảm bảo công tác quy hoạch và phát triển thị trường lao động, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.



LUYỆN TẬP

Theo em, lựa chọn đúng nghề nghiệp có ý nghĩa gì? Em hãy lấy ví dụ thực tế để minh hoạ.

Phân biệt nghề nghiệp và việc làm

Nghề nghiệp và việc làm có những điểm giống nhau như cùng phản ánh một lĩnh vực lao động cụ thể, cần sử dụng kĩ năng, kĩ xảo, kiến thức để tạo ra sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, giữa nghề nghiệp và việc làm có nhiều điểm khác nhau. Nghề nghiệp là một dạng lao động đòi hỏi ở con người một quá trình đào tạo chuyên biệt, có kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, chuyên môn nhất định. Nhờ quá trình hoạt động nghề nghiệp, con người có thể tạo ra sản phẩm, thoả mãn những nhu cầu của cá nhân và xã hội. Việc làm được hiểu là công việc được giao cho làm và được trả công. Như vậy, bất cứ việc làm nào cũng gắn với một nghề cụ thể (hoặc chuyên môn), song không thể coi việc làm là nghề nghiệp được. Những công việc nhất thời, đáp ứng nhu cầu kiếm sống thì không phải là nghề nghiệp.

KẾT NỐI NĂNG LỰC

Hãy kể tên một nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ mà em biết.

II. Đặc điểm, yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

KHÁM PHÁ

Em hãy quan sát Hình 1.2 và cho biết đặc điểm nghề nghiệp của những người trong hình.

sach-giao-khoa.com



a) Thợ cơ khí



b) Kĩ sư tự động hoá

Hình 1.2. Một số nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

1. Đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

Những nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có những đặc điểm như sau:

Sản phẩm lao động:

Sản phẩm cơ khí, điện tử kĩ thuật cao; thiết bị tự động hoá, các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xã hội.

Đối tượng lao động:

Vận dụng các kiến thức toán học, khoa học tự nhiên, kĩ thuật, khoa học công nghệ vào quá trình thiết kế, bảo trì, sáng tạo những ứng dụng, phần mềm, những thiết bị máy móc trong hệ thống cơ khí phục vụ cho ngành công nghiệp và các lĩnh vực khác trong cuộc sống.

Môi trường làm việc:

- Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thử thách;
- Đối với lĩnh vực kĩ thuật, môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao;
- Tiếp xúc nhiều với các thiết bị công nghệ hiện đại, áp lực công việc lớn.

2. Yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Năng lực

- Trình độ chuyên môn: Hiểu biết về các nguyên lí cơ bản của ngành nghề kĩ thuật, công nghệ; có khả năng sử dụng các phương tiện, thiết bị đúng cách và hiệu quả; có năng lực;
- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.
- Đủ sức khoẻ để làm việc lâu dài trong điều kiện của các tổ chức công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất, các công ty công nghệ; chống chỉ định y học với những người bị bệnh phổi, hen phế quản, nhiễm xạ cơ thể,...

b) Phẩm chất

- Có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quy trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo trong an toàn lao động;
- Cần cù, chăm chỉ, trung thực, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao;
- Có ý thức phấn đấu, rèn luyện, học tập phát triển nghề nghiệp, chuyên môn.

LUYỆN TẬP

Em hãy lựa chọn 3 nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ mà em biết, phân tích để chỉ ra những đặc điểm và yêu cầu chung của chúng đối với người lao động.

KẾT NỐI NĂNG LỰC

Hãy chọn một nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ mà em biết và mô tả các đặc điểm của nghề nghiệp đó.

KẾT NỐI NGHỀ NGHIỆP

Nghề lập trình viên

Lập trình viên còn được gọi là nhà phát triển phầm mềm. Lập trình viên được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin để sử dụng các ngôn ngữ lập trình viết, sửa lỗi và cho chạy các đoạn mã nhằm tạo ra các sản phẩm phần mềm, ứng dụng cài đặt trên các thiết bị điện tử thông minh như máy vi tính, máy tính bảng, laptop, điện thoại di động thông minh,…



Hình 1.3. Kĩ sư công nghệ thông tin

Công việc của lập trình viên

- *Phối hợp với các bộ phận khác để đưa ra ý tưởng cho các mẫu thiết kế phần mềm, ứng dụng mới.*
- *Xây dựng phần mềm, ứng dụng mới bằng các ngôn ngữ lập trình thích hợp.*
- *Phát triển và xây dựng các tính năng mới cho ứng dụng.*
- *Nâng cấp phần mềm và các hệ thống để đảm bảo tính bảo mật và hiệu quả hơn.*
- *Phối hợp với những người viết ra nội dung/kĩ thuật (Content/Technical Writers) để viết các tài liệu hỗ trợ người dùng.*
- *Kiểm tra và bảo trì các chương trình, ứng dụng định kì, tiến hành sửa lỗi khi có vấn đề xảy ra.*

Môi trường làm việc

- *Môi trường làm việc năng động, nhiều cơ hội học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn.*
- *Làm việc với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại, luôn được tiếp cận với các thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ.*

Yêu cầu công việc

- *Hiểu biết và vận dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình.*
- *Luôn học hỏi, cập nhật kiến thức, kĩ năng.*
- *Yêu thích khoa học máy tính và các thành tựu mới về công nghệ.*
- *Khả năng làm việc độc lập với cường độ cao, chịu được thử thách và áp lực công việc.*

Bài 2

CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Sau bài học này, em sẽ:

- *Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.*
- *Nhận ra, giải thích được các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.*
- *Hiểu được sau khi kết thúc trung học cơ sở có những hướng đi nào liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.*



Hình 2.1. Sinh viên nhận bằng tốt nghiệp đại học

Quan sát Hình 2.1 và cho biết: Để nhận được tấm bằng tốt nghiệp đại học, các sinh viên trong hình cần phải trải qua những cấp học nào?

I. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam



KHÁM PHÁ

Em đang học ở cấp học nào? Cấp học đó nằm trước và sau những cấp học nào trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam?

Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam bao gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên (Hình 2.2), cụ thể như sau:

– Giáo dục mầm non bao gồm nhà trẻ (từ 3 đến 36 tháng tuổi) và mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi).

– Giáo dục phổ thông bao gồm: (1) Giáo dục tiểu học bao gồm 5 lớp (từ lớp 1 đến lớp 5); (2) Giáo dục trung học cơ sở bao gồm 4 lớp (từ lớp 6 đến lớp 9); (3) Giáo dục trung học phổ thông bao gồm 3 lớp (từ lớp 10 đến lớp 12).

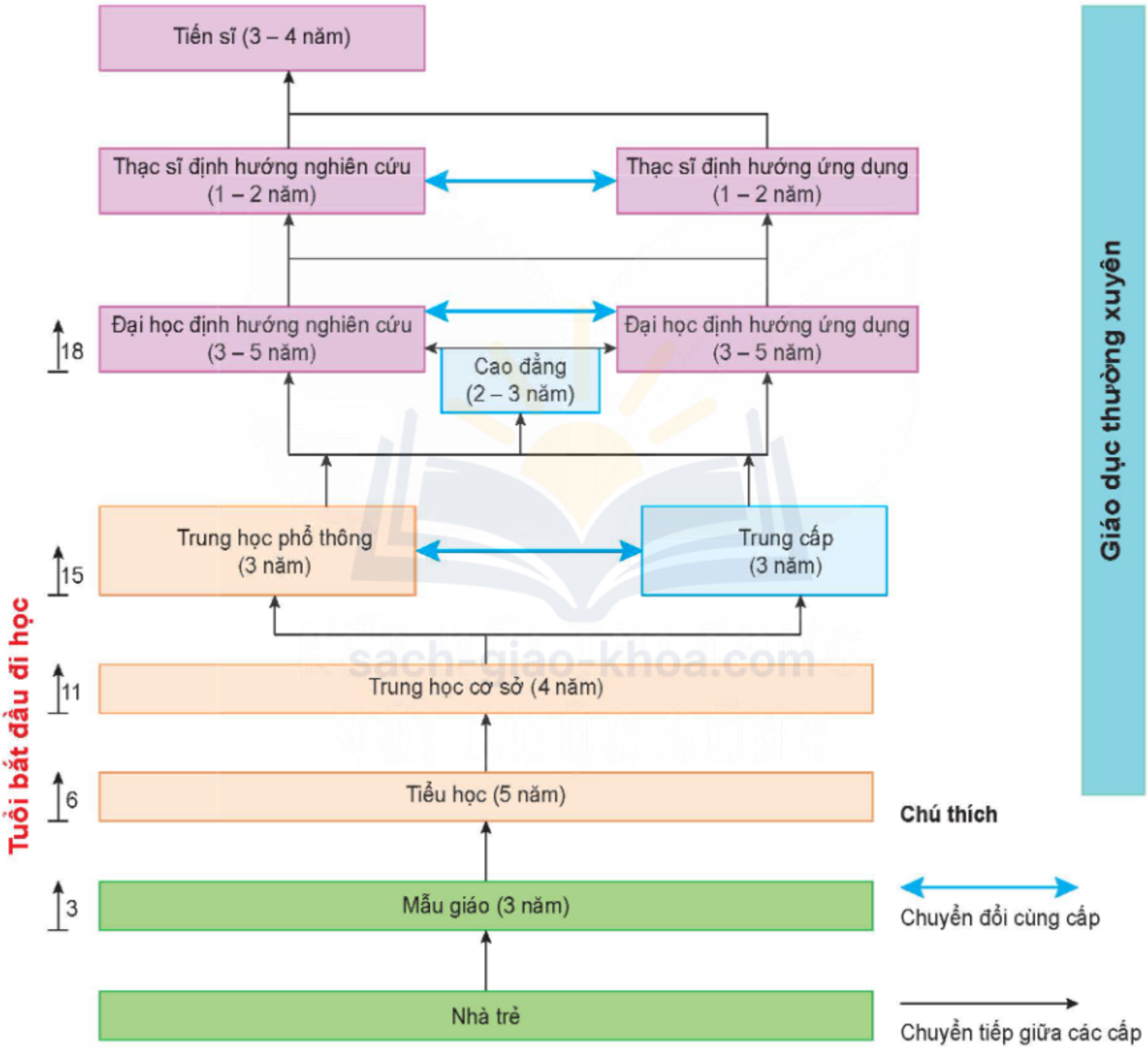
– Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: (1) Trình độ sơ cấp đào tạo từ 3 tháng đến dưới 1 năm học; (2) Trình độ trung cấp dành cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đào tạo (từ 2 đến 3 năm); (3) Trình độ cao đẳng dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông (từ 2 đến 3 năm) hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (từ 1 đến 2 năm).

– Giáo dục đại học bao gồm: (1) Trình độ đại học dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp mà đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hoá trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc tốt nghiệp trình độ cao đẳng (đào tạo từ

3 đến 5 năm); (2) Trình độ thạc sĩ dành cho người tốt nghiệp trình độ đại học (đào tạo từ 1 đến 2 năm); (3) Trình độ tiến sĩ tiếp nhận người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ hoặc đại học nếu đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo (đào tạo từ 3 đến 4 năm).

– Giáo dục thường xuyên dành cho người ở các lứa tuổi và trình độ, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.

(Nguồn: Luật Giáo dục, 2019)



Hình 2.2. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

(Nguồn: Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân)



LUYỆN TẬP

Với mỗi thông tin ở cột A, em hãy xác định nội dung mô tả tương ứng về các thành phần của hệ thống giáo dục Việt Nam ở cột B trong Bảng 2.1

Bảng 2.1. Mô tả về khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam

Cột A	Cột B
a. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam	**1.** Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông, hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp mà đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hoá trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc tốt nghiệp trình độ cao đẳng (đào tạo từ 3 đến 5 năm).
b. Giáo dục thường xuyên	**2.** Dành cho người học tốt nghiệp trung học phổ thông (từ 2 đến 3 năm) hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (từ 1 đến 2 năm).
c. Giáo dục mầm non	**3.** Bao gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.
d. Giáo dục phổ thông	**4.** Dành cho người ở các lứa tuổi và trình độ, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.
e. Trình độ cao đẳng	**5.** Bao gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông.
g. Trình độ đại học	**6.** Bao gồm nhà trẻ và mẫu giáo mà trẻ em từ 03 tháng đến 05 tuổi được chăm sóc và học tập.

II. Phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân

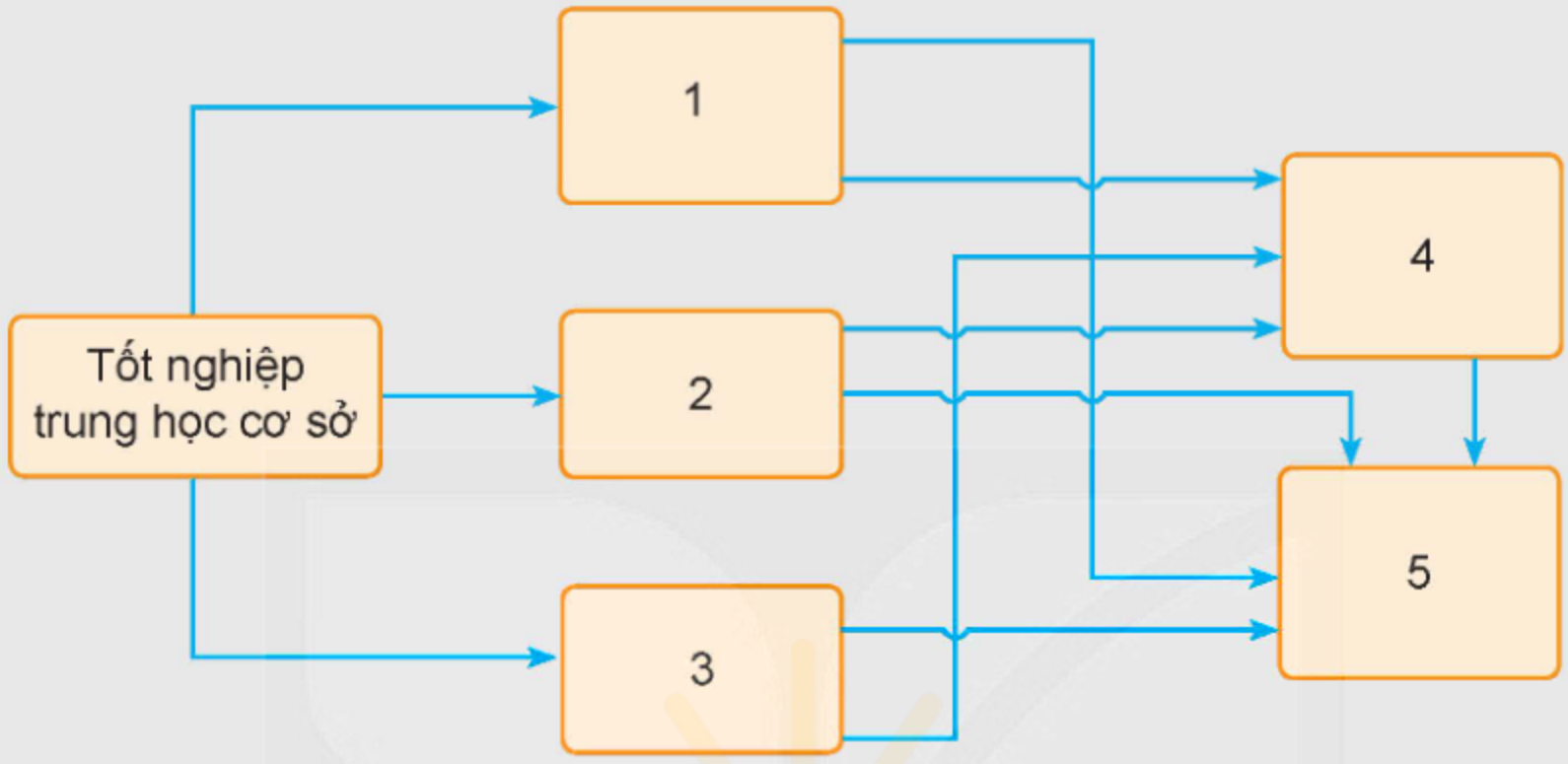
Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

(Nguồn: Luật Giáo dục, 2019)



KHÁM PHÁ

Chọn các phương án A, B, C, D, E phù hợp với các ô đánh số 1, 2, 3, 4, 5 trong Hình 2.3. Hãy cho biết: Có những hướng đi nào trong hệ thống giáo dục quốc dân sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở?



Hình 2.3. Các hướng đi chính sau tốt nghiệp trung học cơ sở của học sinh trong hệ thống giáo dục quốc dân

A. Học nghề trình độ sơ cấp và trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

B. Học nghề trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

C. Học trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

D. Học trung học phổ thông.

E. Vừa học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, vừa tham gia lao động.

Giáo dục phổ thông có hai thời điểm phân luồng: (1) Sau tốt nghiệp trung học cơ sở; (2) Sau tốt nghiệp trung học phổ thông.

Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có 3 hướng đi để lựa chọn: (1) Vào học tại các trường trung học phổ thông (công lập hoặc tư thục); (2) Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (3) Vừa học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, vừa tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

Sau khi tốt nghiệp chương trình giáo dục trung học phổ thông, học sinh có thể tiếp tục học các nghề nghiệp trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoặc vào học trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

LUYỆN TẬP

Bạn em muốn theo học nghề sửa chữa, lắp ráp máy tính sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Em hãy lựa chọn phương án được cho là khả thi đối với mong muốn của bạn đó.

A. Học ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trong các trường trung học phổ thông.

B. Học ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp.

C. Học ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các trường cao đẳng có đào tạo ngành nghề này sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học phổ thông.

D. Học ngành kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

Theo cơ quan quản lí giáo dục nghề nghiệp, mô hình đào tạo 9+ là mô hình học song song chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông kết hợp với học nghề hệ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở. Đây là hướng đi phù hợp với những học sinh mong muốn nhanh chóng tham gia vào thị trường lao động.

(Nguồn: www.tcdn.gov.vn, 2021)

III. Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục

KHÁM PHÁ

Em hãy cho biết các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ của học sinh có thể thực hiện ở cả hai thời điểm phân luồng.

Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo các nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trình độ sơ cấp và trung cấp. Học sinh cũng có thể lựa chọn vào học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình giáo dục trung học phổ thông, vừa học các nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trình độ sơ cấp.

Đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, các em có thể lựa chọn học các nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, chương trình đào tạo nghề nghiệp khác đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất và dịch vụ, trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

sách-giáo-khoa.com

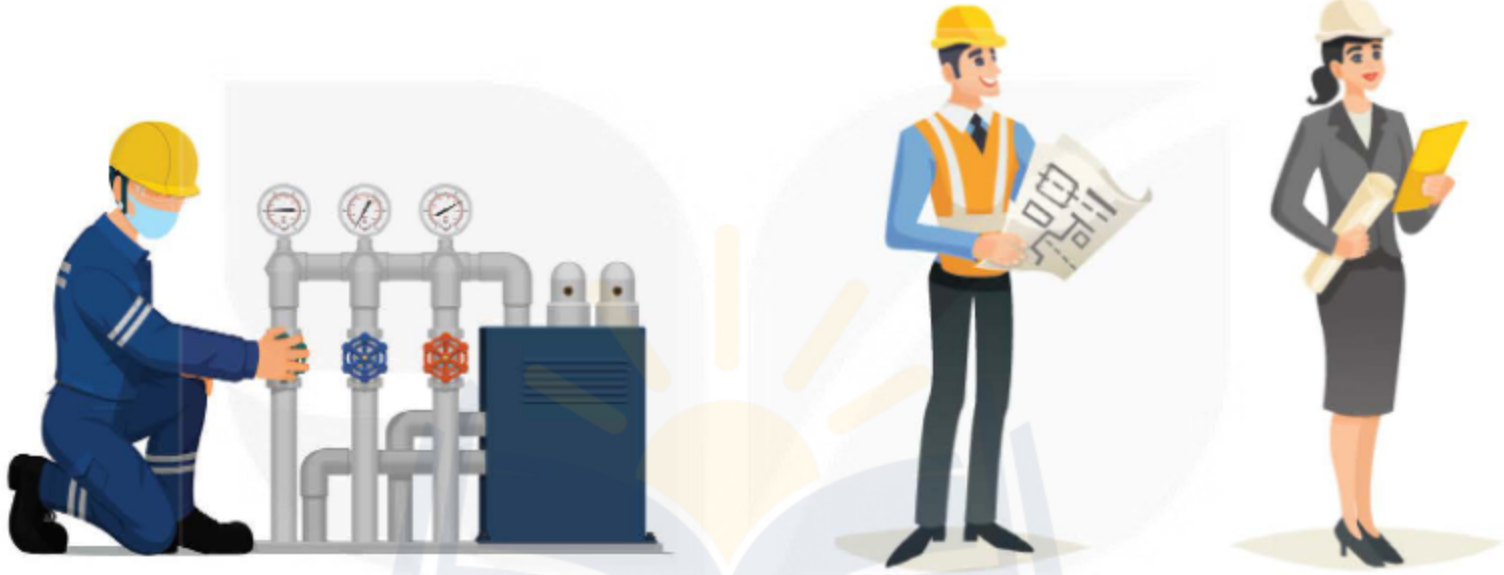
LUYỆN TẬP

Em hãy cho biết các trình độ đào tạo tương ứng với cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

IV. Những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp trung học cơ sở

KHÁM PHÁ

Quan sát Hình 2.4 và cho biết: Sau tốt nghiệp trung học cơ sở, lựa chọn học theo trình độ nào trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân để trở thành công nhân hoặc kĩ sư?



a) Người công nhân thực hiện công việc vận hành hệ thống trong một nhà máy

b) Người kĩ sư làm việc với bản vẽ thiết kế

Hình 2.4. Công nhân và kĩ sư trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

Các ngành nghề đào tạo về lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ rất đa dạng với các nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của quốc gia. Trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ được đào tạo với nhiều trình độ như sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, và tiến sĩ. Một số ngành đào tạo thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có đào tạo từ trình độ trung cấp đến tiến sĩ như: nhóm ngành công nghệ thông tin bao gồm ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin; nhóm ngành công nghệ kĩ thuật kiến trúc và công trình xây dựng: công nghệ kĩ thuật vật liệu xây dựng, công nghệ kĩ thuật giao thông,...; nhóm ngành công nghệ kĩ thuật cơ khí: công nghệ chế tạo máy, công nghệ kĩ thuật cơ điện tử,...; nhóm ngành công nghệ kĩ thuật điện, điện tử, viễn thông: công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự động hoá, công nghệ kĩ thuật điện tử – viễn thông,...

Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn theo ba hướng đi liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau:

(1) Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo.

(2) Theo học tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

(3) Tiếp tục học trung học phổ thông và định hướng lựa chọn các môn học liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Nếu lựa chọn hướng đi học trung học phổ thông, sau khi tốt nghiệp cấp học này, học sinh có thể lựa chọn các trường cao đẳng hoặc đại học có đào tạo các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ để theo học các trình độ đào tạo cao đẳng hoặc đại học. Sau khi tốt nghiệp các trình độ này, người học có thể tham gia lao động với các nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành bởi Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 bao gồm 8 bậc tương ứng với 6 trình độ đào tạo là sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Trong đó, cơ quan quản lí giáo dục nghề nghiệp ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng (bậc 4, 5), còn Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (bậc 6, 7, 8).



LUYỆN TẬP

Em hãy cho biết: Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, có những hướng đi nào có thể lựa chọn để theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

sach-giao-khoa.com



KẾT NỐI NGHỀ NGHIỆP

Quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính là ngành thiết kế, xây dựng, kiểm soát, hỗ trợ các hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo vận hành và an toàn, bao gồm cả dữ liệu, phần cứng, phần mềm, mạng và hệ điều hành. Những người làm trong ngành nghề này được gọi là nhà quản trị cơ sở dữ liệu và mạng máy tính. Những người này được đào tạo chuyên sâu về mạng máy tính, an ninh mạng, cơ sở dữ liệu, quản trị dữ liệu. Họ có thể làm việc tại các công ty chuyên về dữ liệu, các bộ phận quản trị mạng và dữ liệu của công ty, các công ty viễn thông lớn, hay các ngân hàng.

(Nguồn: Danh mục ngành nghề thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022; Sách tra cứu nghề, Tổ chức Lao động Quốc tế - ILO, 2020)



VẬN DỤNG

Dựa vào kiến thức về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, em hãy tìm hiểu sau tốt nghiệp trung học cơ sở có những hướng đi nào để có thể làm việc trong ngành quản trị dữ liệu và mạng máy tính.

Bài 3 THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM

Sau bài học này, em sẽ:

- *Trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.*
- *Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.*
- *Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.*



Hình 3.1. Năm nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất Quý 1 năm 2023

(Nguồn: Cổng thông tin điện tử cơ quan quản lí lao động và việc làm)

Quan sát Hình 3.1, em hãy cho biết: Nhu cầu tuyển dụng của các ngành nghề có giống nhau không? Người lao động có thể tìm thông tin này ở đâu để có cơ sở lựa chọn ngành nghề phù hợp với nhu cầu xã hội?

sach-giao-khoa.com

I. Khái niệm về thị trường lao động

KHÁM PHÁ

Hãy kể tên một số loại hàng hoá, dịch vụ mà em biết. Nơi diễn ra hoạt động mua, bán hàng hoá hoặc dịch vụ gọi là gì?

Mỗi một loại hàng hoá, dịch vụ có thị trường riêng để trao đổi và mua, bán. Trong các loại thị trường, thị trường lao động là loại thị trường đặc biệt.

Thị trường lao động là thị trường trao đổi hàng hoá sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở thoả thuận với nhau về tiền lương, các điều kiện làm việc,... Trong đó, người lao động là bên bán, người sử dụng lao động là bên mua, hàng hoá sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực của con người được vận dụng trong quá trình lao động.

II. Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động

Thị trường lao động luôn thay đổi bởi tác động của một số yếu tố chính sau:

– *Sự phát triển của khoa học, công nghệ:* Sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ đã tác động đến các ngành nghề trong nền kinh tế cũng như các nhóm người lao động. Những tiến bộ về công nghệ hỗ trợ sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nhiều công việc thay đổi theo hướng giảm bớt cầu lao động. Đồng thời, nó cũng tác động làm cho thị trường lao động có những thay đổi lớn theo hướng yêu cầu ngày càng cao đối với người lao động về năng lực, trình độ chuyên môn và các kĩ năng thiết yếu như giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo.

– *Sự chuyển dịch cơ cấu:* Sự chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế và các vùng lãnh thổ làm thay đổi nhu cầu lao động giữa các ngành, nghề và kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu lao động tương ứng.

– *Nhu cầu lao động:* Sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, của từng địa phương và nhu cầu sản xuất, tiêu dùng hàng hoá tác động khiến cho số lượng các ngành, nghề và nhu cầu thu hút nguồn nhân lực của người sử dụng lao động khác nhau. Điều này được thể hiện ở số việc làm và khả năng tạo việc làm trong một thời kì nhất định.

– *Nguồn cung lao động:* Số lượng lao động, thời gian tham gia lao động, chất lượng và cơ cấu nguồn lực con người tham gia vào thị trường lao động luôn thay đổi theo thời gian và theo không gian giữa các vùng, ngành là yếu tố làm thay đổi thị trường lao động.

sách-giáo-khoa.com

Các chính sách của Nhà nước cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động. Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy thị trường lao động thông qua việc ban hành các chính sách phù hợp. Ví dụ, các chính sách phát triển nguồn nhân lực đúng đắn sẽ giúp nâng cao chất lượng của cung lao động; các chính sách phát triển kinh tế, chính sách đầu tư và phân bổ đầu tư làm cầu lao động tăng.

LUYỆN TẬP

Em hãy cho biết sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản sang các khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ đã làm thay đổi nhu cầu lao động và cơ cấu lao động trong thị trường lao động như thế nào.

III. Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ



KHÁM PHÁ

Em hãy đọc một số nội dung trong bảng tin thị trường lao động (Hình 3.2) và chỉ ra một số thông tin thị trường lao động cung cấp.

XU HƯỚNG TUYỂN DỤNG

- 50,0% Trình độ đại học
- 19,6% Trình độ cao đẳng
- 73,4% Vị trí nhân viên
- 20,0% Vị trí quản lí bậc trung
- 67,7% Mức lương 5 – 10 triệu đồng/tháng
- 10,8% Mức lương 10 – 15 triệu đồng/tháng

ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI ĐI TÌM VIỆC

- 61,2% Có trình độ đại học
- 17,9% Có trình độ trung cấp
- 66,4% Tìm việc ở vị trí nhân viên
- 22,1% Tìm việc ở vị trí quản lí bậc trung
- 44,7% Muốn mức lương 5 – 10 triệu đồng/tháng
- 34,8% Muốn mức lương 10 – 15 triệu đồng/tháng
- 63,2% từ 20 – 29 tuổi
- 30,3% từ 30 đến 39 tuổi

5 NHÓM NGÀNH CÓ NHU CẦU TUYỂN DỤNG NHIỀU NHẤT

- Công nghiệp chế biến, chế tạo: 14,78%
- Thông tin và truyền thông: 14,45%
- Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác: 12,04%
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm: 11,12%
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ: 10,11%

MỘT SỐ NHÓM NGHỀ CÓ NHU CẦU TUYỂN DỤNG NHIỀU NHẤT

- Kinh doanh / Bán hàng
- Marketing / Truyền thông / Quảng cáo
- Công nghệ thông tin
- Tư vấn dịch vụ tài chính
- Hành chính / Văn phòng
- Kế toán / Kiểm toán

Hình 3.2. Bảng tin thị trường lao động quý 1 năm 2022

(Nguồn: Cổng thông tin điện tử cơ quan quản lí lao động và việc làm)

Thị trường lao động không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế – xã hội thông qua việc điều tiết nhu cầu lao động, giá cả sức lao động giữa các địa phương, ngành và tổ chức mà còn đóng vai trò to lớn trong việc định hướng nghề nghiệp cho mỗi người.

Cũng như các lĩnh vực khác, thị trường lao động cung cấp cho người lao động thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở

địa phương, trong nước và quốc tế với từng ngành, nghề cụ thể; những nghề được xem là có tiềm năng trong tương lai và những kĩ năng thiết yếu mà người lao động cần phải có đối với mỗi nghề. Từ những thông tin này, người học có căn cứ chọn ra một số nghề vừa phù hợp với sở thích và năng lực của bản thân vừa thoả mãn nhu cầu tuyển dụng lao động của xã hội đối với các nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Trên cơ sở đó, có thể đưa ra quyết định chọn nghề tương lai cho phù hợp, có kế hoạch học tập, tu dưỡng, rèn luyện để chuẩn bị cho việc tham gia vào hoạt động nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, những thông tin mà thị trường lao động cung cấp còn có vai trò giúp các cơ sở đào tạo định hướng và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu của xã hội; người sử dụng lao động tuyển dụng được người lao động phù hợp với nhu cầu của mình cũng như người lao động có cơ hội được tuyển dụng vào vị trí việc làm mình mong muốn.

IV. Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay

Sau nhiều năm đổi mới đất nước, thị trường lao động Việt Nam đã có bước phát triển cả về quy mô và chất lượng, từng bước hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

Dựa trên kết quả phân tích từ văn bản của Chính phủ, báo cáo điều tra lao động việc làm hằng năm của Cục Thống kê; báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), có thể thấy hiện nay thị trường lao động Việt Nam có một số vấn đề cơ bản sau:

– Chất lượng lao động còn thấp, phân bổ nguồn lao động không đồng đều: Lực lượng lao động ở thành thị trong những năm qua có xu hướng ngày càng tăng nhưng vẫn tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn. Chất lượng lao động, trình độ chuyên môn kĩ thuật của lực lượng lao động vẫn còn rất thấp và chậm cải thiện, khan hiếm lao động trình độ cao.

– Xu hướng cung lao động lớn hơn cầu lao động: Cung lao động ngày càng đáp ứng cầu lao động nhưng thị trường lao động nước ta vẫn tồn tại sự mất cân đối cung – cầu lao động trong phạm vi cả nước nói chung cũng như giữa các vùng, khu vực và ngành nghề. Sự mất cân đối này thể hiện ở số lượng cung lao động lớn hơn cầu lao động. Cung lao động tăng nhanh nhưng không đáp ứng được cầu lao động do chất lượng lao động thấp.

– Xu hướng tuyển dụng người lao động được đào tạo, có kinh nghiệm: Sự chuyển dịch của cơ cấu lao động theo hướng giảm tỉ trọng lao động khu vực nông nghiệp cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kĩ thuật, công nghệ đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với người lao động. Người lao động phải có trình độ chuyên môn cao, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin; đồng thời, họ phải có khả năng tự học để đáp ứng sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.

(Nguồn: Chính phủ (2023), Nghị quyết số 06/NQ-CP về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế – xã hội ban hành ngày 10/1/2023; (2) Cục Thống kê – Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2020, năm 2021; Tổ chức Lao động Quốc tế (2022), Xu hướng lao động và xã hội Việt Nam 2021, triển vọng 2030).

V. Tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ



KHÁM PHÁ

Hãy quan sát Hình 3.4 và cho biết: Thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có thể được tìm kiếm từ những nguồn nào? Bằng cách nào?









Hình 3.4. Một số nguồn tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

Việc lựa chọn được hướng đi phù hợp trong thế giới nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ đặt ra yêu cầu đối với học sinh cần tìm hiểu các thông tin về thị trường lao động của lĩnh vực này. Để tìm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ thực hiện theo quy trình như sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu tìm kiếm

Việc xác định mục tiêu tìm kiếm cũng chính là xác định nhu cầu thông tin của mỗi cá nhân. Điều này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin được tập trung, trúng, đúng và đủ để có được những thông tin cần thiết, hữu ích nhất về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Để xác định mục tiêu tìm kiếm, các em có thể đặt câu hỏi tìm kiếm thông tin chính và câu hỏi tìm kiếm cụ thể về một hoặc một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Ví dụ như muốn tìm hiểu về thị trường ngành công nghệ thông tin: (i) Câu hỏi chính: Thị trường lao động của ngành công nghệ thông tin hiện nay như thế nào?; (ii) Một số câu hỏi chi tiết: Ngành nghề công nghệ thông tin là gì? Nhu cầu tuyển dụng của ngành này hiện nay và trong tương lai như thế nào? Mức lương của người lao động theo trình độ là bao nhiêu? Có những cơ sở giáo dục nào đào tạo ngành này?...

Bước 2: Xác định nguồn thông tin

Việc xác định nguồn thông tin để tìm kiếm là hết sức quan trọng. Do vậy, việc đánh giá được các nguồn thông tin và nội dung của các nguồn thông tin cần dựa trên tính cập nhật, tính liên quan, tính chính xác và tính pháp lí của các nguồn đó để lựa chọn các nguồn thông tin đáng tin cậy. Nguồn thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có thể tìm kiếm bằng nhiều nguồn khác nhau như: (1) Các báo cáo cập nhật về thị trường lao động của các cơ quan quản lí và thống kê (như Cục Thống kê, cơ quan quản lí lao động và việc làm,...); (2) Các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp; (3) Thông tin tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; (4) Các trang (website) chuyên về hướng nghiệp và làm việc trên mạng internet uy tín.

Bước 3: Xác định công cụ tìm kiếm

Để tìm kiếm thông tin hiệu quả trên các nguồn thông tin đã xác định ở Bước 2, chúng ta cần lựa chọn công cụ tìm kiếm phù hợp với từng nguồn thông tin liên quan đến thị trường lao động các ngành nghề kĩ thuật, công nghệ muốn tiếp cận. Ngày nay, với sự phổ biến của internet và bùng nổ của các công nghệ số, một lượng thông tin khổng lồ về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ có thể tìm thấy thông qua các công cụ hỗ trợ tìm kiếm như Google, Bing, ChatGPT,... một cách thuận tiện bằng việc sử dụng các từ khoá hoặc các câu lệnh/câu hỏi liên quan đến vấn đề cần tìm kiếm.

Bước 4: Tiến hành tìm kiếm

Học sinh thực hiện tìm kiếm các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ thông qua các nguồn thông tin đã được xác định với các công cụ tìm kiếm phù hợp. Một số thông tin cơ bản về thị trường lao động cần phải tìm kiếm được, đó là: (1) Thông tin về tình trạng, xu hướng việc làm của nghề nghiệp đó;

(2) Thông tin về nhu cầu và đơn vị tuyển dụng nghề nghiệp đó; (3) Các cơ sở giáo dục nào hiện đang đào tạo nghề nghiệp đó; và (4) Thông tin về tiền lương, tiền công (*Nguồn: Luật Việc làm, 2013*).

Hằng quý, cơ quan quản lí lao động và việc làm phối hợp với Cục Thống kê công bố Bản tin Thị trường lao động Việt Nam trên cổng thông tin điện tử chính thức của cơ quan quản lí lao động và việc làm. Đây là một nguồn thông tin đáng tin cậy và hữu ích cho việc tìm kiếm các thông tin cơ bản về thị trường lao động ở Việt Nam.



LUYỆN TẬP

Em hãy lựa chọn một ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và tìm kiếm thông tin thị trường lao động của ngành nghề đó. Báo cáo kết quả tìm kiếm được.



KẾT NỐI NGHỀ NGHIỆP

Ngành khoa học dữ liệu là ngành khoa học liên quan đến việc khai phá, quản trị và phân tích dữ liệu để dự đoán các xu hướng trong tương lai và đưa ra các quyết định, chiến lược hành động. Người được đào tạo chuyên sâu về ngành này được gọi là nhà khoa học dữ liệu. Đây là nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có cơ hội việc làm rất tốt trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số hiện nay.

(Nguồn: https://www.hotcourses.vn/study-abroad-info/study-guides/du-hoc-nganh-khoa-hoc-du-lieu/)

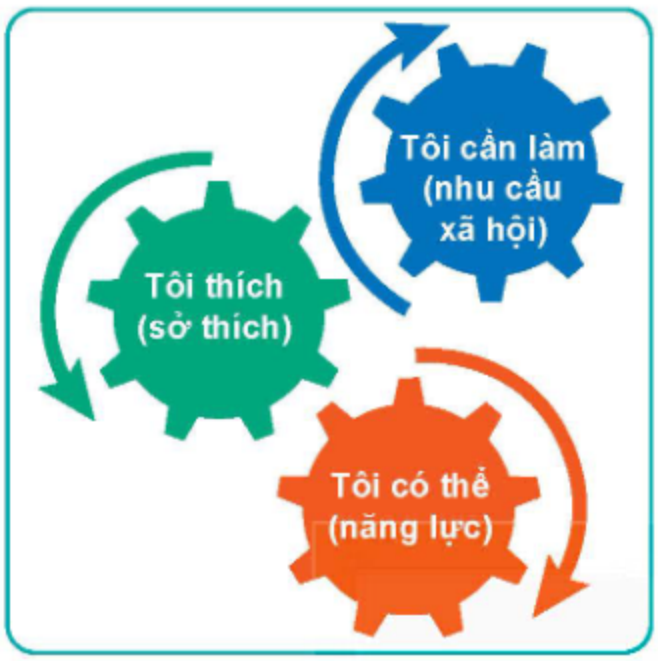


VẬN DỤNG

Nhóm ngành nghề kĩ thuật, công nghệ nào có xu hướng phát triển trong thị trường lao động ở địa phương em?

Bài 4

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP



Hình 4.1. Các yếu tố tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp

Sau bài học này, em sẽ:

- *Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.*
- *Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.*
- *Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.*

Quan sát Hình 4.1 và cho biết: Ba yếu tố trong hình có ảnh hưởng như thế nào tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp?

I. Một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp

KHÁM PHÁ

Em hãy tóm tắt các lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp dưới đây và chỉ ra cách áp dụng lí thuyết trong chọn nghề cho bản thân.

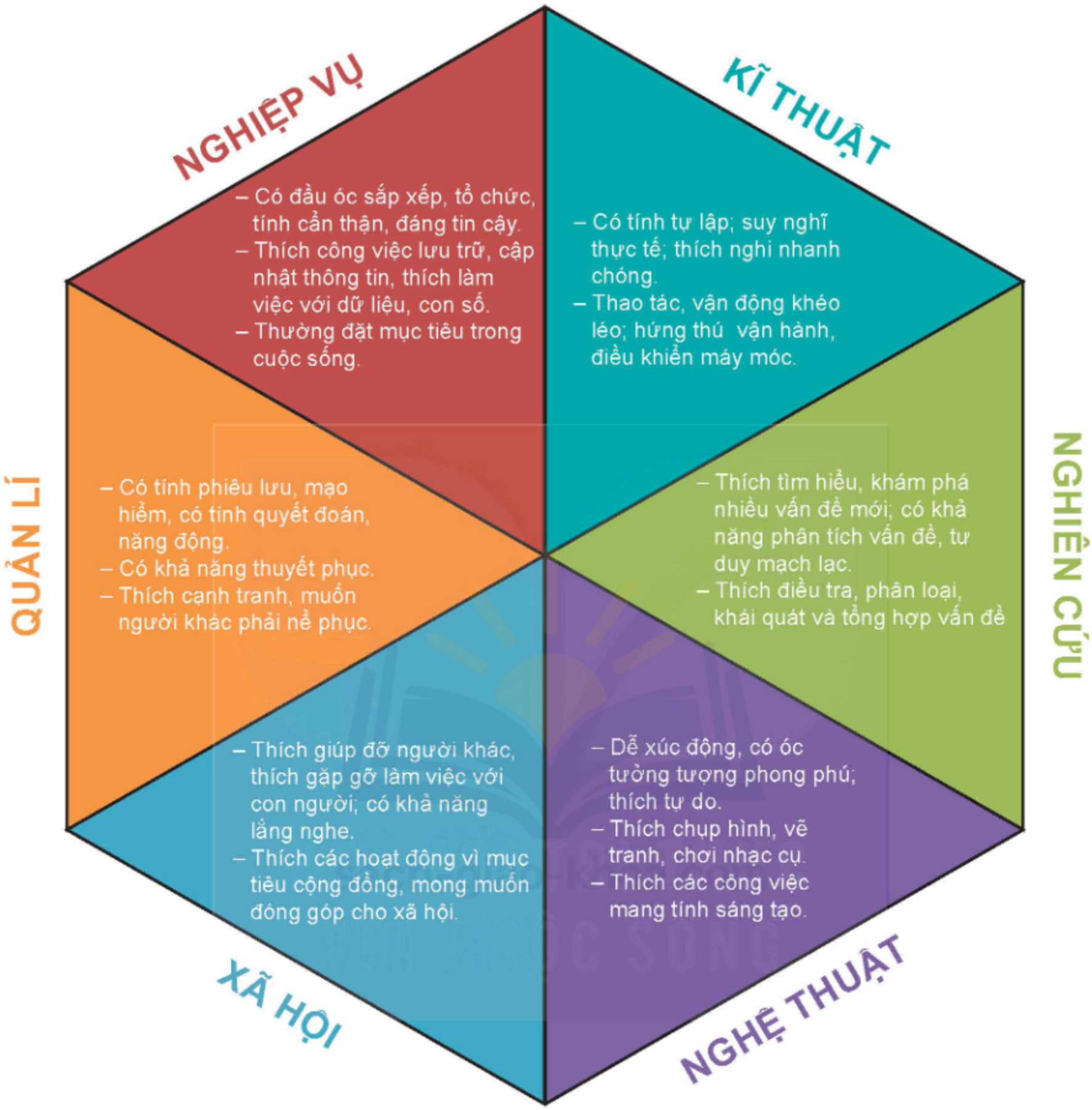
1. Lí thuyết mật mã Holland

Lí thuyết mật mã Holland được xây dựng trên nền tảng lí thuyết đặc tính nghề nghiệp của John Lewis Holland (1919 – 2008) với những luận điểm cơ bản sau:

– Nếu một người chọn được nghề nghiệp phù hợp với tính cách của mình thì sẽ dễ thích ứng với các yêu cầu công việc và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, qua đó dễ đạt được thành công và hài lòng với nghề nghiệp.

– Thiên hướng nghề nghiệp chính là biểu hiện của tính cách, hầu như ai cũng có thể được xếp vào một trong sáu kiểu tính cách. Có sáu môi trường nghề nghiệp tương ứng với sáu kiểu tính cách, đó là: nhóm kĩ thuật; nhóm nghiên cứu; nhóm nghệ thuật; nhóm xã hội; nhóm quản lí; nhóm nghiệp vụ. Tuy nhiên, trong thực tế, tính cách của nhiều người không nằm trọn trong một nhóm tính cách mà có thể là sự kết hợp của hai hay ba nhóm tính cách khác nhau.

Nội dung cơ bản của sáu nhóm tính cách được thể hiện trong Hình 4.2 dưới đây:



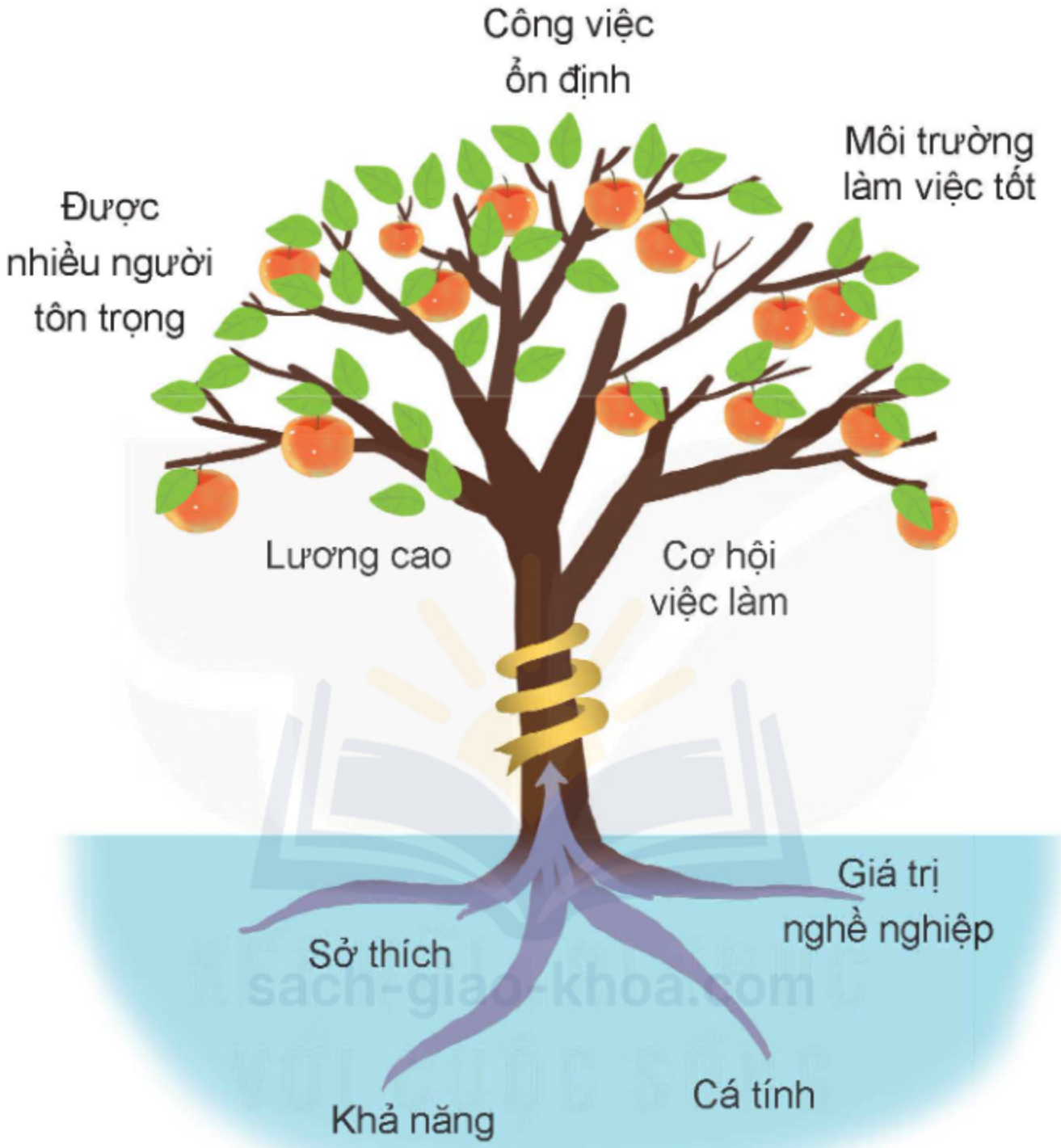
Hình 4.2. Sáu nhóm tính cách trong lí thuyết mật mã Holland

Ý nghĩa lí thuyết mật mã Holland trong việc chọn nghề:

Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các đặc điểm tính cách của bản thân thuộc nhóm tính cách nào, rồi từ đó đối chiếu với môi trường làm việc tương ứng là cơ sở để định hướng chọn nghề nghiệp hay ngành học tương lai.

2. Lí thuyết cây nghề nghiệp

Lí thuyết cây nghề nghiệp là một trong những lí thuyết cơ bản nhất dùng cho công tác hướng nghiệp cho học sinh. Lí thuyết cây nghề nghiệp chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa thành công trong nghề nghiệp với năng lực, cá tính, khả năng, giá trị nghề nghiệp của cá nhân.



Hình 4.3. Mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp

Nội dung cơ bản

Cây nghề nghiệp (Hình 4.3) gồm 2 bộ phận: phần "gốc rễ" thể hiện cá tính, sở thích, khả năng, giá trị nghề nghiệp của mỗi cá nhân; phần "quả" thể hiện những mong muốn của con người đối với nghề nghiệp như cơ hội việc làm, môi trường làm việc tốt, lương cao, công việc ổn định và được nhiều người tôn trọng.

Khi lựa chọn nghề nghiệp, mỗi người đều phải dựa vào sở thích nghề nghiệp, khả năng (hay còn gọi là năng lực) của bản thân, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mình, tức là dựa vào "gốc rễ". Bởi lẽ, chỉ khi nào nghề nghiệp ta chọn phù hợp với "gốc rễ" thì mới cho ra quả ngọt đó là cơ hội kiếm được việc làm phù hợp, dễ dàng được tuyển vào vị trí thích hợp, tìm được môi trường làm việc phù hợp, lương cao, được nhiều người tôn trọng.

Càng hiểu rõ bản thân, càng có cơ sở khoa học vững chắc để chọn nghề phù hợp với "gốc rễ", tránh được những sai lầm khi chọn nghề chỉ nhìn vào "quả" như vào cơ hội việc làm, thu nhập, môi trường làm việc, công việc ổn định,... một cách cảm tính, thiếu căn cứ.

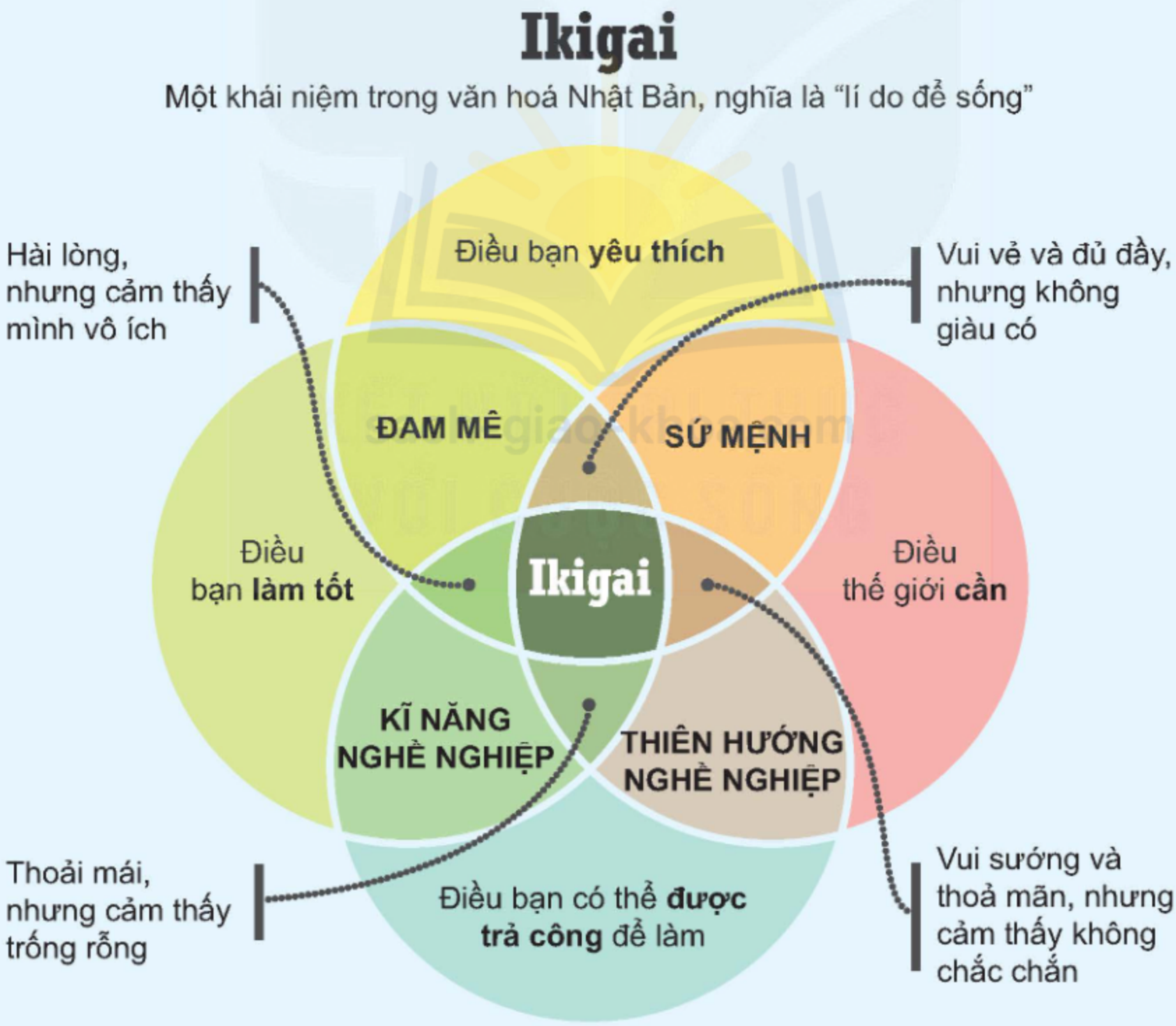
(Nguồn: Hồ Phụng Hoàng Phoenix, Trần Thị Thu (2013), Kĩ năng tư vấn cá nhân về lựa chọn và phát triển nghề nghiệp, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội)



LUYỆN TẬP

Với lí thuyết mật mã Holland và lí thuyết cây nghề nghiệp, em hãy xác định những đặc điểm cơ bản về sở thích, năng lực, cá tính của bản thân.

Ở Nhật Bản và nhiều nơi trên thế giới đã áp dụng triết lí Ikigai (Hình 4.4) để tìm ra nghề nghiệp phù hợp làm cuộc sống hạnh phúc.



Hình 4.4. Chọn nghề theo triết lí Ikigai

Bốn yếu tố mà Ikigai cho rằng nếu như công việc của bạn hội tụ đủ sẽ giúp cho cuộc sống trở nên viên mãn hơn: thích, giỏi, kiếm sống và xã hội cần:

- *Điều bạn thích là gì?*
- *Điều mà bạn giỏi.*
- *Điều mà bạn được trả tiền.*
- *Xã hội đang cần điều gì?*

Nghề nghiệp lí tưởng là khi ở đó, chúng ta được thoả mãn đam mê, được phát huy tài năng và năng lực, có thu nhập và xã hội trân trọng những gì chúng ta đã cống hiến.

(Nguồn: https://chame.rmit.edu.vn/ikigai-bi-quyet-giup-chung-ta-tim-ra-le-song-cua-cuoc-doi/)

II. Các bước trong quy trình lựa chọn chọn nghề



KHÁM PHÁ

Quan sát Hình 4.5 và cho biết: Để chọn nghề, học sinh cần tìm hiểu những thông tin gì?



Hình 4.5. Những thông tin cần tìm hiểu trước khi quyết định lựa chọn nghề nghiệp

Để chọn nghề phù hợp, học sinh cần thực hiện các bước sau:

Bước 1. Đánh giá bản thân

Để đánh giá bản thân, hãy bắt đầu từ sở thích, năng lực, tính cách, sức khoẻ của mình, bối cảnh gia đình và những mong muốn về giá trị nghề nghiệp.

Việc đánh giá bản thân có thể thực hiện thông qua các bài trắc nghiệm; tham khảo thêm ý kiến của thầy cô, người thân, bạn bè,... ; hoặc tận dụng các cơ hội để trải nghiệm các công việc khác nhau, từ đó hiểu rõ hơn về năng lực, sở thích, tính cách của mình phù hợp nhất với lĩnh vực nghề nghiệp nào hiện có trong xã hội.

Bước 2. Tìm hiểu thị trường lao động

Lập danh sách những ngành nghề mình quan tâm. Thông qua internet, sách báo,... tìm hiểu nhu cầu xã hội đối với những ngành nghề đó. Đồng thời tìm hiểu sâu hơn về nghề với những thông tin cụ thể về vị trí việc làm, nhiệm vụ, các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, môi trường làm việc, cơ hội phát triển, thu nhập,...

Bước 3. Ra quyết định

Từ kết quả có được ở bước 1 và bước 2, tiến hành so sánh, đối chiếu tìm ra sự phù hợp nhằm đưa ra quyết định cuối cùng lựa chọn lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp nhất để theo đuổi, làm việc và cống hiến.



LUYỆN TẬP

Với quy trình chọn nghề 3 bước, em có thể giải thích tại sao mình phải thực hiện theo từng bước đó hay không?

III. Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ



KHÁM PHÁ

Theo em, một người khi lựa chọn nghề nghiệp thường dựa trên những yếu tố nào để có sự lựa chọn đúng đắn?

1. Yếu tố chủ quan

– **Năng lực:** Năng lực của bản thân có ảnh hưởng tới khả năng hoàn thành nhiệm vụ của công việc. Do vậy, khi quyết định lựa chọn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, học sinh cần phải xem bản thân có những năng lực để làm việc trong lĩnh vực đó hay không. Đối với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ đòi hỏi người làm nghề phải có sức khoẻ dẻo dai, không mắc các bệnh nền như xương khớp, hô hấp,... đối với một số nghề lĩnh vực cơ khí, đòi hỏi cá nhân không bị dị ứng với các loại hoá chất, dầu mỡ trong quá trình sửa chữa, lắp đặt thiết bị.

– **Sở thích:** Đây là điều kiện quan trọng giúp chúng ta có thêm động lực để phát triển kĩ năng, vượt khó trên con đường chinh phục nghề nghiệp. Bản thân không hứng thú với công việc nào đó sẽ nhanh chóng cảm thấy chán nản, mất quyết tâm làm việc. Đối với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ, những học sinh có sở thích khám phá, sử dụng máy móc, làm những công việc sử dụng thao tác tay chân như ngành nghề về cơ khí, điện hoặc các công việc đòi hỏi tư duy logic, toán học như ngành nghề công nghệ thông tin.

– **Cá tính:** Hay rộng hơn là tính cách của mỗi người có liên quan mật thiết với xu hướng nghề nghiệp. Những người có sự trầm tĩnh, ít nói, có tính độc lập cao trong công việc sẽ phù hợp với một số nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ như lập trình viên, an ninh mạng,... Trong khi đó, những người có khả năng về kĩ thuật, công nghệ, tư duy hệ thống phù hợp với các nghề nghiệp như cơ khí, điện – điện tử, kiến trúc, xây dựng,...

2. Yếu tố khách quan

– ***Nhà trường:*** Thông qua các bài giảng về hướng nghiệp, qua các hoạt động trải nghiệm ngoài thực tế, qua các câu chuyện nghề nghiệp được các thầy cô chia sẻ là những thông tin quý báu để các em có căn cứ chính xác trong định hướng nghề nghiệp tương lai.

– ***Gia đình:*** Điều kiện, hoàn cảnh kinh tế, sự quan tâm, định hướng của cha mẹ, truyền thống nghề nghiệp gia đình, sự thành công của những người thân là những yếu tố có ảnh hưởng lớn khi lựa chọn nghề nghiệp. Tuy nhiên, định hướng của cha mẹ mang tính áp đặt, không căn cứ vào nguyện vọng, năng lực, tính cách của con thì dễ dẫn tới những sai lầm trong lựa chọn nghề nghiệp của con cái sau này.

– ***Xã hội:*** Sự thay đổi của cung cầu trong thị trường lao động, những định kiến, trào lưu chọn nghề dẫn đến quyết định chọn nghề không đúng đắn. Do đó, cần tìm hiểu thật kĩ thông tin về thị trường lao động cũng như nhu cầu xã hội đối với nghề mình định chọn để có quyết định phù hợp.

– ***Nhóm bạn:*** Các bạn trong lớp luôn là nguồn thông tin tham khảo khi lựa chọn nghề nghiệp. Tuy nhiên, nếu dựa hoàn toàn vào lời khuyên, hay chạy theo phong trào của bạn bè khi chọn nghề thì nguy cơ lựa chọn nhầm nghề là rất cao.

sách-giáo-khoa.com



LUYỆN TẬP

Cùng với 2 hoặc 3 bạn trong lớp, tiến hành thảo luận về những lí do bản thân đã quyết định lựa chọn hoặc không lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Giải thích tại sao đưa ra quyết định đó của mình.



VẬN DỤNG

Một người bạn của em cho rằng, khi chọn nghề cứ chọn nghề dễ xin việc và kiếm được nhiều tiền, mà không cần quan tâm tới mình có thích nghề nghiệp đó hay không. Em hãy đưa ra những lời khuyên giúp bạn có những bước chọn nghề đúng đắn.

Bài 5

Dự án: TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA BẢN THÂN VỚI MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ THUỘC LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ

Sau bài học này, em sẽ:

Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh gia đình về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

I. Giới thiệu

Em hãy lập kế hoạch và thực hiện tự đánh giá năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh gia đình và đánh giá mức độ phù hợp với một số nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

II. Mục tiêu

Đánh giá được mức độ phù hợp giữa các đặc điểm của bản thân với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

III. Nhiệm vụ

- Tìm hiểu các đặc điểm: năng lực, sở thích, cá tính của bản thân và bối cảnh gia đình.
- Tìm hiểu một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ; làm rõ các đặc điểm yêu cầu của nghề nghiệp.
- Đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

IV. Dụng cụ, thiết bị, vật liệu

- Vật liệu: giấy, bút,...;
- Phương tiện hỗ trợ: máy tính có kết nối internet; các bộ trắc nghiệm tâm lí về hướng nghiệp.

V. Tiến trình

Thực hiện theo quy trình chọn nghề đã học ở Bài 4, cụ thể:

Bước 1. Đánh giá bản thân.

Làm rõ các đặc điểm về năng lực, sở thích, cá tính, bối cảnh gia đình.

Bước 2. Tìm hiểu những đặc điểm chung của nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Làm rõ những yêu cầu về năng lực chung, năng lực chuyên môn; tính chất nhiệm vụ công việc; điều kiện làm việc, mức thu nhập, cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Bước 3. Lập bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp, đối chiếu sự trùng khớp giữa đặc điểm của bản thân với đặc điểm, yêu cầu nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và kết luận về mức độ phù hợp.

Bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp

Họ và tên học sinh:.....Giới tính:.....

Trường:.....Lớp:.....

Thời gian thực hiện từ .....đến:.....

Đặc điểm của bản thân (1)		Đặc điểm và yêu cầu nghề nghiệp lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (2)	Mức độ phù hợp	
			Trùng khớp (3)	Không trùng khớp (4)
Năng lực	Có hiểu biết về lĩnh vực: ?	Có hiểu biết các nguyên lí cơ bản của kĩ thuật, công nghệ: ?	?	?
	Kĩ năng nổi trội: ?	Biết cách sử dụng các phương tiện, thiết bị kĩ thuật, công nghệ: ?	?	?
	Khả năng làm việc trong tập thể: ?	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm: ?	?	?
	Năng lực học các môn: ?	Có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học và các môn học thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên: ?	?	?
	Khả năng trong học tập, nghiên cứu: ?	Có năng lực tự học, tự nghiên cứu: ?	?	?
Sở thích	Loại công việc yêu thích: ?	Vận hành, thiết kế, sửa chữa máy móc; thiết bị công nghệ: ?	?	?
	Đối tượng lao động yêu thích: ?	Trực tiếp tạo ra các thành phẩm kĩ thuật, công nghệ: ?	?	?
	Môi trường làm việc yêu thích: ?	Môi trường làm việc có tính kỉ luật cao, ngăn nắp, hệ thống: ?	?	?
Cá tính	Ghi 5 nét cá tính đặc trưng, nổi bật: ?	Yêu cầu phẩm chất: – Kiên trì, cần cù chịu khó; – Tính kỉ luật cao; – Ý thức trách nhiệm; – Thận trọng; – Tuân thủ các quy trình.	?	?
Bối cảnh gia đình	Điều kiện kinh tế gia đình: ?	Yêu cầu thời gian, chi phí đào tạo: Trung cấp: ? Cao đẳng: ? Đại học: ?	?	?
	Tổng cộng			

Kết luận: Mức độ phù hợp: ?

Hướng dẫn sử dụng bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề:

Bước 1. Điền các thông tin về đặc điểm của bản thân vào cột số 1 với các mục tương ứng.

Bước 2. Điền bổ sung các thông tin về đặc điểm nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ vào cột số 2 với các mục tương ứng.

Bước 3. Học sinh tiến hành so sánh, đối chiếu thông tin từ cột số 1 với cột số 2 để tìm ra những điểm chung hoặc những điểm khác biệt ở từng yếu tố, sử dụng dấu "x" để tích vào 1 trong 2 ô đánh giá mức độ trùng khớp hoặc không trùng khớp.

Bước 4. Kết luận về mức độ phù hợp giữa bản thân và yêu cầu công việc.

Hướng dẫn đánh giá kết quả:

Bước 1. Tính điểm cho mỗi lựa chọn

– Mỗi dấu "x" ở cột 3 được 1 điểm.

– Mỗi dấu "x" ở cột 4 được 0 điểm.

– Nếu để cột trống được tính 0 điểm.

Bước 2: Tính tổng điểm tất cả các lựa chọn ở cột số 3

Bước 3: Xếp loại kết quả đánh giá

Tổng điểm	Xếp loại mức độ
1 – 3	Không phù hợp
4 – 6	Phù hợp một phần
7 – 10	Phù hợp hoàn toàn

Tiêu chí đánh giá mức độ phù hợp

Tiêu chí đánh giá	Không phù hợp	Phù hợp một phần	Phù hợp hoàn toàn
Năng lực	Năng lực của học sinh không tương ứng với yêu cầu về năng lực của ngành nghề kĩ thuật, công nghệ.	Năng lực của học sinh đáp ứng được một phần yêu cầu về năng lực của ngành nghề kĩ thuật, công nghệ.	Năng lực của học sinh đáp ứng được phần lớn yêu cầu về năng lực của ngành nghề kĩ thuật, công nghệ.
Sở thích	Sở thích của học sinh không tương ứng với tính chất, nhiệm vụ, điều kiện làm việc.	Sở thích của học sinh đáp ứng một phần tính chất, nhiệm vụ, điều kiện làm việc.	Sở thích của học sinh đáp ứng được phần lớn tính chất, nhiệm vụ, điều kiện làm việc.
Cá tính	Cá tính, tính cách không tương ứng với các yêu cầu về phẩm chất, ý thức, tinh thần trách nhiệm trong công việc.	Cá tính, tính cách đáp ứng được một phần với các yêu cầu về phẩm chất, ý thức, tinh thần trách nhiệm trong công việc.	Cá tính, tính cách đáp ứng được với các yêu cầu về phẩm chất, ý thức, tinh thần trách nhiệm trong công việc.
Bối cảnh gia đình	Điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình không đủ đảm bảo tiếp tục học tập ở bậc trung cấp, cao đẳng hoặc đại học.	Điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình đủ đảm bảo một phần chi phí cho việc học tập ở bậc trung cấp, cao đẳng hoặc đại học.	Điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình đủ đảm bảo học tập ở bậc trung cấp, cao đẳng hoặc đại học.

VI. Đánh giá

1. Sản phẩm

– Bài thuyết trình quá trình tự đánh giá các đặc điểm của bản thân về năng lực, sở thích, cá tính, bối cảnh gia đình và kết quả đánh giá mức độ phù hợp với nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

2. Tiêu chí đánh giá

– Nội dung: chỉ ra được mức độ phù hợp của bản thân đối với nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Yêu cầu: làm rõ các đặc điểm của bản thân:

+ *Về năng lực:* chỉ ra được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong thực hiện các công việc khác nhau; nhận ra khả năng tốt nhất khi tiến hành hoạt động thuộc lĩnh vực công việc nào. Năng lực học tập liên quan đến các môn học thuộc khối khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ.

+ *Về sở thích:* làm rõ được sở thích của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ như sở thích làm việc với máy móc, dụng cụ; đọc các bản thiết kế; lắp ráp mô hình; tự lắp ráp, sửa chữa đồ dùng,...

+ *Về cá tính:* nhận ra được mình thuộc nhóm tính cách nào trong sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland. Ví dụ như bản thân có phải là người trầm tĩnh, có khả năng thích nghi nhanh chóng với công nghệ, có thể làm việc độc lập hay không.

+ *Về bối cảnh gia đình:* nhận ra được điều kiện, hoàn cảnh gia đình hiện nay có đủ điều kiện hỗ trợ bản thân lựa chọn, học tập và phát triển nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ hay không.

VII. Thông tin bổ trợ

– Để trả lời câu hỏi "Em có hiểu mình không?", em sử dụng các bộ trắc nghiệm tâm lí, trắc nghiệm hướng nghiệp để biết rõ hơn về tính cách, năng lực nổi trội, đồng thời hỏi thêm người thân, thầy cô giáo để hiểu về sở thích, tính cách, bối cảnh gia đình của mình. Thông qua các trải nghiệm trong học tập, vui chơi, lao động để biết được những khả năng, tố chất, kĩ năng của bản thân.

– Để trả lời cho câu hỏi "Em có hiểu nghề không?", em có thể tìm hiểu về nghề nghiệp thông qua các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, tổ chức, xem các mục tuyển sinh của các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề, hỏi thêm người thân có làm nghề mà em dự định,...

– Để trả lời cho câu hỏi "Học nghề và rèn nghề để làm gì?", em tìm hiểu Danh mục đào tạo nghề Việt Nam (Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/11/2020) hoặc tìm hiểu các thông tin về ngành nghề đào tạo trên trang web tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp,... trên cả nước; Tham gia các hội thảo, ngày hội tư vấn tuyển sinh của các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề, ngày hội tuyển dụng việc làm,... tổ chức tại địa phương hoặc tìm kiếm các thông tin trên internet.

GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

	Thuật ngữ	Giải thích thuật ngữ	Trang
C	**Cầu lao động**	Là nhu cầu về sức lao động của một quốc gia, địa phương, ngành hay một tổ chức, doanh nghiệp trong một thời kì nhất định, phản ánh khả năng thuê mướn lao động của người sử dụng lao động.	18
	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở nước ta gồm: trung tâm đào tạo nghề, trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.	13
	Cung lao động	Là khả năng cung cấp sức lao động cho nền kinh tế quốc dân hoặc cho một tổ chức, một thị trường lao động cụ thể.	18
N	**Năng lực**	Là tổng hợp các đặc điểm và thuộc tính tâm lí cá nhân, phù hợp với những yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định nhằm đảm bảo hoạt động đó đạt hiệu quả.	5
	Ngành đào tạo	Là một tập hợp những kiến thức và kĩ năng chuyên môn của một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp, khoa học nhất định. Ngành đào tạo bao gồm nhiều chuyên ngành đào tạo. Trong đó, chuyên ngành đào tạo là một tập hợp những kiến thức và kĩ năng chuyên môn chuyên sâu của một ngành đào tạo. Người tốt nghiệp một ngành đào tạo có thể làm được ở nhiều vị trí việc làm trong cùng lĩnh vực.	15
P	**Phân luồng**	Có thể được hiểu một cách đơn giản là sự tách dòng ra thành nhiều luồng nhỏ hơn, tách biệt với nhau. Trong giáo dục và đào tạo, việc phân luồng được hiểu là phân luồng học sinh, đó là việc tạo ra các con đường và định hướng cho học sinh sau khi tốt nghiệp một cấp, bậc học nào đó có thể lựa chọn con đường phù hợp để học tiếp hoặc đi vào đời tham gia lao động.	6
T	**Thị trường**	Là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi và mua, bán hàng hoá hoặc dịch vụ giữa vô số người bán và người mua.	13
	Tính cách	Là thuộc tính tâm lí của cá nhân thể hiện đức tính, thái độ đối với hiện thực và biểu hiện qua hành vi, cử chỉ, cách nói năng tương ứng.	24

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM VĂN HANH – VŨ THỊ THANH MAI
Biên tập tái bản: NGUYỄN THÀNH ĐẠT
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: TRẦN THU HÀ
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP
Mã số: G1HH9C005h26
In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/78-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-39228-2



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH





BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 9, tập một
2. Ngữ văn 9, tập hai
3. Toán 9, tập một
4. Toán 9, tập hai
5. Khoa học tự nhiên 9
6. Công nghệ 9
   Định hướng nghề nghiệp
7. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà
8. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Trồng cây ăn quả
9. Công nghệ 9
   Trải nghiệm nghề nghiệp
   Mô đun Chế biến thực phẩm
10. Lịch sử và Địa lí 9
11. Mĩ thuật 9
12. Âm nhạc 9
13. Giáo dục công dân 9
14. Tin học 9
15. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9
16. Giáo dục thể chất 9
17. Tiếng Anh 9 – Global Success – SHS

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-39228-2

9 786040 392282

Giá: 4.600 đ